TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17 – 4 - 2025 "V/v ly hôn, tranh chấp người nuôi con."	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

2. Ông Huỳnh Văn Thức

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 và ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 656/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp người nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Huyền Diệu T, sinh năm 1989; thường trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; tạm trú: A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1988; thường trú tại: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Lê Huyền Diệu T trình bày:

Bà T và ông A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 26,

vào ngày 26/5/2021. Thời gian đầu vợ chồng kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn, khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông A thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu một tuần khoảng 4 đến 5 lần, không có công việc ổn định nên không chia sẻ chi phí sinh hoạt gia đình với bà T. Mỗi lần ông A uống rượu là chửi bới, đánh bà T và đập phá đồ đạc trong nhà, khi tỉnh rượu thì ông A xin lỗi hứa sẽ thay đổi nhưng ông A vẫn chứng nào tật đó. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào lúc 24h ngày 27/02/2024 khi ông A uống rượu say thì đánh đập bà T, lúc này bà T tính ôm theo con bỏ chạy thì ông A lấy dao kề cổ bà T đe dọa bà T nếu bế con đi thì ông A sẽ giết nên buộc lòng bà T phải ra sống riêng nếu mà còn sống với ông A thì tính mạng sẽ bị đe dọa. Hơn 01 năm nay bà T không còn sống chung với ông A, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, xác định mâu thuẫn đã trầm trọng nhất quyết xin ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Lê Gia L, sinh ngày 22/9/2020. Sau khi ly hôn thì bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L vì bà T chăm sóc cháu L tốt hơn ông A. Trong thời gian vợ chồng ly thân không phải bà T giao con cho ông A chăm sóc mà do ông A không cho bà T trực tiếp nuôi con để gây áp lực cho bà T phải về đoàn tụ với ông A. Bà T vẫn chăm lo cho con như một tuần khoảng 02 đến 03 lần do nếu đi làm về sớm đưa đón con về nhà bà T ăn cơm, tắm rửa cho con rồi đưa cháu về ngủ cùng ông A. Ngày chủ nhật thì rước cháu về nhà chơi từ sáng đến tối. Tiền học của cháu L thì bà T là người thanh toán cho trường mầm non S; địa chỉ: đường D, khu phố B, phường T, thành phố T, bà T là người mua sữa cho con. Ông A thường xuyên xin tiền bà T tiêu xài vì không có công việc ổn định lại thường xuyên uống rượu nên không có khả năng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho bà T nuôi dưỡng thì bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Căn cước công dân (bản sao), sổ tạm trú (bản chứng thực); giấy kết hôn (bản sao) và giấy khai sinh (bản sao) và biên nhận thu tiền học phí (bản chính).

Ông Trần Hoàng A đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông A không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố

tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Huyền Diệu T khởi kiện ông Trần Hoàng A yêu cầu ly hôn, tranh chấp người nuôi con, ông Trần Hoàng A hiện đang tạm trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Hoàng A theo đúng quy định tại các tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Trần Hoàng A không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông Trần Hoàng A trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do ông A ham mê uống rượu say xỉn chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh đập bà T. Ngoài ra ông A không có công việc ổn định, không có sự chia sẻ kinh tế trong gia đình với bà T. Do không thể chịu đựng áp lực từ phía ông A nên buộc bà T phải chuyển ra ngoài sống, đến nay vợ chồng đã ly thân một thời gian dài không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập ông A tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông A vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà T xác định bà không còn tình cảm với ông A nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Gia L, sinh ngày 22/9/2020. Khi vợ chồng ly hôn, bà T yêu cầu được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L. Xét thấy trong thời gian vợ chồng ly thân bà T vẫn quan tâm, chăm sóc con như đóng tiền học và đưa đón con đến trường. Xét lời trình bày của bà T là ông A không cho cháu L sống chung với bà T để gây áp lực cho bà T để bà T quay về đoàn tụ cũng có phần hợp lý. Hiện nay cháu L còn nhỏ nên giao cho người mẹ để duy trì sự phát triển ổn định về thể chất cũng như trí tuệ cho cháu L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo biên bản xác minh ngày 11/4/2024 thì hiện nay ông Trần Hoàng A đã giao cháu Trần Lê Gia L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng do ông Trần Hoàng A đi làm ăn xa. Vì vậy có căn cứ Hội đồng xét xử giao cháu Trần Lê Gia L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Huyền Diệu T đối với bị đơn - ông Lê Hoàng A1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Huyền Diệu T được ly hôn với ông Lê Hoàng A1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê Gia L, sinh ngày 22/9/2020 cho bà Lê Huyền D Thi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Huyền Diệu T không yêu cầu ông Lê Hoàng A1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Huyền Diệu T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002921 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị N